

Số: **299/QĐ-VKSTC**

Hà Nội, ngày **19** tháng **8** năm **2020**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

- Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
- Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo VKSNDTC;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ 10.



VIỆN TRƯỞNG

Lê Minh Trí

QUY CHẾ

Kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 299 /QĐ-VKSTC ngày 19 tháng 8 năm 2020
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng kiểm sát

Đối tượng kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là việc tuân theo pháp luật của những chủ thể sau:

1. Tòa án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án;
2. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ; cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị (sau đây viết tắt là người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính);
3. Cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc.

Điều 2. Phạm vi kiểm sát

1. Hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bắt đầu từ khi Viện kiểm sát nhận được thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đến khi có quyết định giải quyết việc xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là Pháp lệnh số 09/2014).

2. Hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại không thuộc phạm vi của Quy chế này.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát

Khi kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, Viện kiểm sát nhân dân có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Kiểm sát việc thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
2. Kiểm sát việc Tòa án yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ;
3. Kiểm sát việc mở phiên họp, hoãn phiên họp;
4. Nghiên cứu hồ sơ vụ việc, báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ việc và dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tại phiên họp;
5. Tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án; phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với các quyết định giải quyết của Tòa án; kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên họp; phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên họp;
6. Kiểm sát việc tạm đình chỉ, đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
7. Kiểm sát việc áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
8. Kiểm sát việc thụ lý, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
9. Thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của Pháp lệnh số 09/2014;
10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân công, thay đổi Kiểm sát viên, công chức kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và tham gia phiên họp

1. Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức (sau đây viết tắt là công chức) thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia các phiên họp quy định tại khoản 2 Điều 17 hoặc khoản 4 Điều 33

Pháp lệnh số 09/2014. Quyết định phân công, thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên họp được gửi cho Tòa án cùng cấp ngay sau khi ban hành.

Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát tham gia phiên họp thì Viện trưởng Viện kiểm sát có văn bản thông báo gửi cho Tòa án cùng cấp.

3. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, Kiểm sát viên không thể tham gia phiên họp thì báo cáo Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền thay đổi Kiểm sát viên. Trường hợp không có Kiểm sát viên dự khuyết thì thông báo cho Tòa án để hoãn phiên họp theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 4 Điều 33 Pháp lệnh số 09/2014.

Điều 5. Kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm

Trong quá trình kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, nếu phát hiện vi phạm pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan khác thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm theo quy định tại Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Điều 4 Pháp lệnh số 09/2014. Việc kiến nghị có thể đối với từng vi phạm cụ thể hoặc kiến nghị tổng hợp, thông qua nhiều hình thức khác nhau nhưng phải kịp thời.

Viện kiểm sát đã kiến nghị phải theo dõi việc trả lời kiến nghị theo quy định chung.

CHƯƠNG II

KIỂM SÁT VIỆC TÒA ÁN XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 6. Kiểm sát thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án cùng cấp, công chức phải vào sổ thụ lý, lập phiếu kiểm sát.

2. Công chức kiểm sát chặt chẽ các vấn đề sau đây:

a) Thẩm quyền thụ lý của Tòa án theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Thời hạn và đối tượng Tòa án phải gửi thông báo thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Nội dung của văn bản thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh số 09/2014;

d) Hình thức của Thông báo thụ lý theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐTP ngày 24/12/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 04/2015).

3. Trường hợp phát hiện việc thụ lý hồ sơ đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì công chức tập hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 7. Lập hồ sơ kiểm sát

Công chức có nhiệm vụ lập hồ sơ kiểm sát, sao chụp, trích cứu đầy đủ tài liệu, chứng cứ bao gồm các văn bản của cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cung cấp cho Tòa án, tập tài liệu do Tòa án ban hành và các tài liệu thể hiện hoạt động nghiệp vụ của Viện kiểm sát.

Hồ sơ kiểm sát được lập, sắp xếp, đóng dấu bút lục, thống kê tài liệu theo Hướng dẫn số 28/HD-VKSTC ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về lập hồ sơ kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính; vụ việc kinh doanh, thương mại; lao động; phá sản; xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Điều 8. Kiểm sát việc Tòa án yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ

1. Công chức kiểm sát chặt chẽ việc Tòa án yêu cầu cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bổ sung tài liệu, chứng cứ theo các nội dung sau:

a) Thời hạn Thẩm phán ban hành văn bản yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ là 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Căn cứ ban hành, nội dung văn bản yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Thời hạn cơ quan được yêu cầu phải gửi tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Pháp lệnh số 09/2014;

d) Hình thức của văn bản yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015.

2. Trường hợp phát hiện việc Tòa án yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ có vi phạm thì công chức tập hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 9. Kiểm sát Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Sau khi nhận được Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án, công chức kiểm sát các nội dung sau:

a) Thời hạn Thẩm phán ban hành quyết định là 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Nội dung của quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Hình thức của quyết định theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015;

d) Thời hạn gửi, đối tượng Tòa án phải gửi quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh số 09/2014.

2. Trường hợp phát hiện Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì công chức tập hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 10. Kiểm sát việc hoãn phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát việc hoãn phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, công chức kiểm sát chặt chẽ các nội dung sau:

a) Căn cứ hoãn phiên họp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 19; điểm b khoản 2 Điều 20 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Thời hạn hoãn phiên họp quy định tại khoản 4 Điều 19 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Hình thức của thông báo hoãn phiên họp theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015.

2. Trường hợp phát hiện việc hoãn phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì công chức tập hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình để thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 11. Nghiên cứu hồ sơ vụ việc

1. Khi nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, công chức kiểm sát chặt chẽ việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia vào việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và đánh giá khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hành chính.

Thời gian nghiên cứu hồ sơ bắt đầu từ khi Viện kiểm sát nhận được thông báo thụ lý của Tòa án cùng cấp đến khi Tòa án mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Đối với hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, ngoài nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, công chức cần nghiên cứu các nội dung sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Điều 9 Nghị quyết số 04/2015;

b) Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 5, Điều 12 Nghị quyết số 04/2015;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ, các tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, ngoài nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, công chức cần nghiên cứu các nội dung sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Điều 9 Nghị quyết số 04/2015;

b) Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 5, Điều 12 Nghị quyết số 04/2015;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ, các tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Đối với hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngoài nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, công chức cần nghiên cứu các nội dung sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Điều 9 Nghị quyết số 04/2015;

b) Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 04/2015;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ, các tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 12. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ và dự thảo đề cương hỏi, dự thảo văn bản phát biểu ý kiến để tham gia phiên họp

1. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc, công chức xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan vụ việc, trình lãnh đạo Viện kiểm sát. Ngoài phần mở đầu, báo cáo phải có các nội dung sau:

a) Nhận xét, đánh giá của công chức về các nội dung nêu tại Điều 11 Quy chế này;

b) Quan điểm đề xuất của công chức về việc đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát.

2. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ được lưu vào hồ sơ kiểm sát. Công chức nghiên cứu hồ sơ phải ký nháy vào cuối mỗi trang và ký, ghi rõ họ tên vào cuối báo cáo.

3. Sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng dự thảo đề cương hỏi; dự thảo văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp. Văn bản phát biểu được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 13. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên họp

Tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tiến hành phiên họp và người tham gia phiên họp về các nội dung sau:

1. Thời hạn Tòa án phải mở phiên họp là 07 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở phiên họp theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh số 09/2014.

2. Thành phần, tư cách pháp lý của người tiến hành phiên họp và người tham gia phiên họp theo khoản 2 Điều 16, Điều 17 Pháp lệnh số 09/2014.

3. Việc quyết định thay đổi người tiến hành phiên họp nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 10 Pháp lệnh số 09/2014.

4. Căn cứ tạm dừng phiên họp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Pháp lệnh số 09/2014.

5. Việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tại phiên họp theo quy định tại Điều 20 Pháp lệnh số 09/2014; Điều 6 Nghị quyết số 04/2015.

Điều 14. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp

1. Sau khi những người tham gia phiên họp kết thúc tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về các nội dung sau:

a) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành và người tham gia thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Tính có căn cứ và hợp pháp đối với việc đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Việc phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp được thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 20 Pháp lệnh số 09/2014 và Điều 7 Nghị quyết số 04/2015.

3. Văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải có chữ ký của Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên hoàn thiện nội dung văn bản phát biểu để gửi cho Tòa án và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Điều 15. Kiểm tra biên bản phiên họp

Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên phải kiểm tra biên bản phiên họp để kịp thời yêu cầu người tiến hành phiên họp ghi các sửa đổi, bổ sung vào biên bản ngay tại phiên họp và ký xác nhận nhằm đảm bảo biên bản phiên họp phản ánh đúng nội dung, diễn biến phiên họp theo quy định tại Điều 21 Pháp lệnh số 09/2014.

Điều 16. Báo cáo kết quả phiên họp

1. Sau khi kết thúc phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả phiên họp với lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình. Trường hợp cần trao đổi hoặc trường hợp có kháng nghị thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phải báo cáo ngay Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh về kết quả phiên họp. Báo cáo kết quả phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

2. Báo cáo kết quả phiên họp được gửi theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Điều 17. Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành trước khi mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, công chức có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Thời hạn Tòa án ban hành quyết định là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Thẩm phán được phân công theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Căn cứ ban hành, hiệu lực của quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Hậu quả của việc tạm đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 04/2015;

d) Đối tượng Tòa án phải gửi quyết định ghi tại phần “*Nơi nhận*” của Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015;

đ) Hình thức của quyết định theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015.

2. Đối với quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, công chức có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Nội dung và hiệu lực của quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Hậu quả của việc tạm đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 04/2015;

c) Thời hạn và đối tượng Tòa án phải gửi quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Pháp lệnh số 09/2014.

3. Trường hợp phát hiện quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm thì công chức báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 18. Kiểm sát quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành trước khi mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, công chức có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Thời hạn Tòa án ban hành quyết định là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Thẩm phán được phân công theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Căn cứ ban hành và hiệu lực của quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Hậu quả của việc đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 04/2015;

d) Đối tượng Tòa án phải gửi quyết định ghi tại phần “*Nơi nhận*” của Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015;

đ) Hình thức của quyết định theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015.

2. Đối với quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án ban hành tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, công chức có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Nội dung và hiệu lực của quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Hậu quả của việc đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 04/2015;

c) Thời hạn và đối tượng Tòa án phải gửi quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Pháp lệnh số 09/2014.

3. Trường hợp phát hiện quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, công chức báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình ban hành kiến nghị, kháng nghị.

Điều 19. Kiểm sát quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi kiểm sát quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án, công chức có nhiệm vụ lập phiếu kiểm sát các nội dung sau:

a) Nội dung và hiệu lực của quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Thời hạn và đối tượng Tòa án phải gửi quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Hình thức của quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại các Mẫu số 07, 08, 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015.

2. Trường hợp phát hiện quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, công chức báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình ban hành kiến nghị, kháng nghị.

Điều 20. Quyết định kháng nghị đối với quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện kháng nghị đối với quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân cùng cấp khi có vi phạm pháp luật nghiêm trọng là căn cứ để kháng nghị.

2. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đối với quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; quyết định áp dụng, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại phiên họp của Tòa án nhân dân cùng cấp là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Pháp lệnh số 09/2014.

3. Quyết định kháng nghị được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phải gửi quyết định kháng nghị cho Tòa án nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ngay sau khi ban hành.

CHƯƠNG III

KIỂM SÁT VIỆC TÒA ÁN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 21. Kiểm sát thông báo thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Khi nhận được thông báo thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị đối với các quyết định của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Pháp lệnh số 09/2014, công chức phải vào sổ thụ lý và lập phiếu kiểm sát.

2. Công chức kiểm sát chặt chẽ về thẩm quyền thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị; thời hạn và đối tượng được gửi thông báo thụ lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Pháp lệnh số 09/2014.

3. Trường hợp phát hiện Tòa án thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị có vi phạm thì công chức tập hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 22. Lập hồ sơ kiểm sát

Việc lập hồ sơ kiểm sát việc xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 7 Quy chế này, bổ sung đơn của người khiếu nại, văn bản kiến nghị của cơ quan đề nghị, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (nếu có) và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để làm rõ căn cứ khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

Điều 23. Kiểm sát việc mở phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

Khi nhận được thông báo của Tòa án về việc mở phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, công chức kiểm sát chặt chẽ thời hạn mở phiên họp, đối tượng Tòa án phải gửi thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Pháp lệnh số 09/2014. Trường hợp phát hiện vi phạm thì công chức tập hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 24. Nghiên cứu hồ sơ, báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, dự thảo đề cương hỏi và dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tham gia phiên họp

1. Công chức nghiên cứu hồ sơ vụ việc để tham gia phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Pháp lệnh số 09/2014. Việc nghiên cứu hồ sơ cần tập trung xem xét tính có căn cứ và hợp pháp của đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị và các tài liệu, chứng cứ liên quan.

2. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc, công chức xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan vụ việc, trình lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình. Ngoài phần mở đầu, báo cáo phải có các nội dung sau:

a) Ý kiến của công chức nghiên cứu hồ sơ nhận xét, đánh giá việc tiến hành thủ tục giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án từ khi thụ lý vụ việc đến trước khi mở phiên họp; ý kiến đánh giá về tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; đề xuất của công chức có chấp nhận hay không chấp nhận nội dung khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;

b) Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiểm sát.

3. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ được lưu vào hồ sơ kiểm sát. Công chức nghiên cứu hồ sơ phải ký nháy vào cuối mỗi trang và ký, ghi rõ họ tên vào cuối báo cáo.

4. Sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, công chức xây dựng dự thảo đề cương hỏi; dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tại phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị. Văn bản phát biểu được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 25. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên họp

Tại phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tiến hành phiên họp, người tham gia phiên họp về các nội dung sau:

1. Thành phần, tư cách pháp lý của người tiến hành phiên họp, người tham gia phiên họp, các trường hợp hoãn phiên họp quy định tại khoản 4 Điều 33, điểm b khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 09/2014.

2. Việc quyết định thay đổi người tiến hành phiên họp (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 09/2014.

3. Việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp quy định tại Điều 34 Pháp lệnh số 09/2014.

Điều 26. Trình bày, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp

1. Trường hợp chỉ có khiếu nại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc kiến nghị của cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì Kiểm sát viên phát biểu những vấn đề sau:

a) Tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị;

b) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia thủ tục xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị trong quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị;

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với quyết định bị khiếu nại, kiến nghị.

2. Trường hợp chỉ có kháng nghị của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên trình bày, phát biểu những vấn đề sau:

a) Nội dung kháng nghị và căn cứ kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có); phân tích làm rõ quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát đối với quyết định của Tòa án;

b) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia thủ tục xem xét, giải quyết kháng nghị trong quá trình giải quyết kháng nghị;

c) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với quyết định bị kháng nghị.

3. Trường hợp vừa có khiếu nại của người bị đề nghị, kiến nghị của cơ quan đề nghị, vừa có kháng nghị của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên trình bày, phát biểu những vấn đề sau:

a) Tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị;

b) Nội dung kháng nghị và căn cứ kháng nghị; xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có); phân tích làm rõ quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát đối với quyết định của Tòa án;

c) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành, người tham gia thủ tục xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị trong quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị;

d) Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với quyết định bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

4. Văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp phải có chữ ký của Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên hoàn thiện văn bản phát biểu để gửi cho Tòa án và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Điều 27. Báo cáo kết quả phiên họp

1. Sau khi kết thúc phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả phiên họp với lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình.

2. Báo cáo kết quả phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án được lập theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành, được gửi theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Điều 28. Kiểm sát quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

1. Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị do Tòa án gửi, công chức kiểm sát các nội dung sau:

a) Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại Điều 35 Pháp lệnh số 09/2014;

b) Nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Pháp lệnh số 09/2014;

c) Thời hạn gửi và đối tượng Tòa án phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Pháp lệnh số 09/2014;

d) Hình thức của quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2015.

2. Trường hợp phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án có vi phạm thì công chức báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình thực hiện quyền kiến nghị theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, KIỂM TRA VÀ BÁO CÁO

Điều 29. Quan hệ công tác

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Khi kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 4 Pháp lệnh số 09/2014 và quy định của Quy chế này.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Kiểm sát viên tuân theo pháp luật và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình. Trong vụ việc có nhiều Kiểm sát viên tham gia giải quyết thì Kiểm sát viên ở ngạch thấp hơn phải tuân theo sự chỉ đạo của Kiểm sát viên ở ngạch cao hơn; trường hợp các Kiểm sát viên có cùng ngạch thì lãnh đạo Viện kiểm sát phân công một Kiểm sát viên chịu trách nhiệm chỉ đạo.

Viện trưởng Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nghiêm minh đối với vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; có quyền rút, đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Kiểm sát viên.

4. Việc phân công, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng đơn vị, Viện kiểm sát được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, Viện kiểm sát đó.

Điều 30. Chế độ hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong phạm vi quản lý.
3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tự tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức trong phạm vi quản lý.

Điều 31. Chế độ thông tin, báo cáo

Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân và Chế độ báo cáo thống kê thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 32. Chế độ kiểm tra

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra toàn diện hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm tra toàn diện hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong phạm vi thuộc thẩm quyền.
3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện tự tổ chức kiểm tra hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Viện kiểm sát cấp mình.
4. Chế độ kiểm tra được thực hiện theo quy định về công tác kiểm tra trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 33. Chế độ thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc

Việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân được thực hiện theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 34. Chế độ quản lý, sử dụng, lưu trữ, bảo vệ bí mật hồ sơ

Chế độ quản lý, sử dụng, lưu trữ, bảo vệ bí mật hồ sơ trong hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ngành Kiểm sát nhân dân.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.
2. Các quy định trước đây của ngành Kiểm sát nhân dân liên quan đến hoạt động kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân trái với Quy chế này bị bãi bỏ.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật) để được chỉ đạo, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.
